

Phụ lục 1: THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC DIỆN SÁP NHẬP
(Kèm theo Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Định)

STT	Tên trường	Quy mô lớp, học sinh (Tính đến tháng 5/2026)			Dự kiến Quy mô lớp, học sinh năm học 2026-2027			Tổng	Biên chế được giao năm 2026				Tổng	Biên chế có mặt đến tháng 8/2026							
		Số lớp	Số học sinh	Trung bình học sinh/lớp	Số lớp	Số học sinh	Trung bình học sinh/lớp		Cấp trưởng	Cấp phó	Giáo viên	Nhân viên		Cấp trưởng	Cấp phó	Giáo viên	Nhân viên	Trong đó			
																		Kế toán	Thư viện	Y tế	Khác
	TỔNG	816	30420	108	827	30607	108	1679	38	81	1459	101	1538	35	68	1349	85	45	18	22	0
	CẤP MẦM NON	185	4584	25	195	5101	26	471	12	33	414	12	425	12	31	366	16	16	0	0	0
1	Trường mầm non 8/3	18	530	29	19	500	26	45	1	2	41	1	38	1	2	34	1	1			
2	Trường mầm non 2/9	14	327	23	16	410	26	36	1	3	31	1	31	1	3	26	1	1			
3	Trường mầm non Số 4	10	241	24	12	315	26	27	1	2	23	1	22	1	2	18	1	1			
4	Trường mầm non Bình Minh	14	241	17	14	270	19	38	1	4	32	1	35	1	4	29	1	1			
5	Trường mầm non Sao Vàng	18	463	26	18	520	29	44	1	2	40	1	43	1	2	39	1	1			
6	Trường mầm non Hoa Mai	15	284	19	15	375	25	39	1	3	34	1	39	1	3	33	2	2			
7	Trường mầm non Hoa Hồng	16	396	25	18	500	28	40	1	2	36	1	37	1	2	33	1	1			
8	Trường mầm non Phượng Hồng	14	363	26	15	420	28	35	1	4	29	1	36	1	4	29	2	2			
9	Trường mầm non Nguyễn Du	16	307	19	16	330	21	41	1	3	36	1	42	1	3	36	2	2			
10	Trường mầm non Hoa Sen	11	234	21	12	305	25	28	1	2	24	1	16	1	0	14	1	1			
11	Trường mầm non Thống Nhất	24	812	34	24	750	31	60	1	4	54	1	57	1	4	50	2	2			
12	Trường mầm non Mỹ Phúc	15	386	26	16	406	25	38	1	2	34	1	29	1	2	25	1	1			
	CẤP TIỂU HỌC	358	13180	37	359	12641	35	638	15	30	543	50	581	15	19	508	39	17	7	15	0
1	Trường Tiểu học Hùng Vương	27	723	27	27	723	27	52	1	2	45	4	51	1	1	45	4	2		2	
2	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	29	865	30	26	780	30	49	1	2	42	4	46	1	2	38	5	2	1	2	
3	Trường Tiểu học Chu Văn An	36	1665	46	36	1561	43	61	1	2	54	4	57	1	2	51	3	1	1	1	
4	Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu	33	1401	42	33	1315	40	57	1	2	50	4	51	1	2	46	2	1		1	

STT	Tên trường	Quy mô lớp, học sinh (Tính đến tháng 5/2026)			Dự kiến Quy mô lớp, học sinh năm học 2026-2027			Tổng	Biên chế được giao năm 2026				Tổng	Biên chế có mặt đến tháng 8/2026							
		Số lớp	Số học sinh	Trung bình học sinh/lớp	Số lớp	Số học sinh	Trung bình học sinh/lớp		Cấp trưởng	Cấp phó	Giáo viên	Nhân viên		Cấp trưởng	Cấp phó	Giáo viên	Nhân viên	Trong đó			
																		Kế toán	Thư viện	Y tế	Khác
5	Trường Tiểu học Kim Đồng	24	729	30	22	655	30	42	1	2	36	3	37	1	0	33	3	1	1	1	
6	Trường Tiểu học Lê Hồng Sơn	17	503	30	17	435	26	32	1	2	26	3	28	1	1	24	2	1	0	1	
7	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	24	876	37	25	795	32	42	1	2	36	3	40	1	2	35	2	1	1		
8	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành	24	745	31	24	725	30	42	1	2	36	3	34	1	1	31	1	1			
9	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	31	1545	50	31	1464	47	54	1	2	47	4	50	1	2	45	2	1	0	1	
10	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái	22	747	34	22	788	36	39	1	2	33	3	35	1	1	31	2	1		1	
11	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	28	1157	41	30	1178	39	48	1	2	42	3	46	1	2	40	3	1	1	1	
12	Trường Tiểu học Trần Tế Xương	15	498	33	15	470	31	29	1	2	23	3	26	1	1	22	2	1	0	1	
15	Trường Tiểu học Cửa Nam	13	438	34	16	545	34	26	1	2	20	3	23	1	1	18	3	1	1	1	
14	Trường Tiểu học Lộc Vượng	15	636	42	15	585	39	29	1	2	23	3	25	1	1	21	2	1	0	1	
13	Trường Tiểu học Mỹ Phúc	20	652	33	20	622	31	36	1	2	30	3	32	1	0	28	3	1	1	1	
	CẤP THCS	273	12656	46	273	12865	47	570	11	18	502	39	532	8	18	475	30	12	11	7	0
1	Trường THCS Trần Đăng Ninh	34	1156	34	32	1261	39	71	1	2	64	4	67	1	2	62	2	1	1	0	
2	Trường THCS Phùng Chí Kiên	35	1833	52	35	1685	48	72	1	2	65	4	67	1	2	61	3	1	1	1	
3	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	35	1955	56	36	2055	57	70	1	2	63	4	64	0	2	59	3	1	1	1	
4	Trường THCS Hàn Thuyên	37	1916	52	37	1920	52	76	1	2	69	4	72	1	2	67	2	1	1		
5	Trường THCS Lý Thường Kiệt	13	461	35	13	471	36	29	1	1	24	3	28	1	1	24	2	1		1	
6	Trường THCS Lương Thế Vinh	28	1497	53	28	1495	53	60	1	2	53	4	58	0	2	52	3	1	1	1	
7	Trường THCS Lộc Vượng	16	637	40	16	670	42	32	1	1	27	3	28	1	1	23	3	1	1	1	
8	Trường THCS Mỹ Phúc	14	590	42	14	603	43	27	1	1	22	3	23	1	1	18	3	1	1	1	
9	Trường THCS Trần Bích San	22	988	45	22	995	45	47	1	2	41	3	44	0	2	40	2	1	1		
10	Trường THCS Tô Hiệu	10	390	39	10	400	40	23	1	1	18	3	21	1	1	17	2	1	1		
11	Trường THCS Tống Văn Trân	29	1233	43	30	1310	44	63	1	2	56	4	60	1	2	52	5	2	2	1	